

Số: 2222/QĐ-TTYT

Yên Lạc, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
giao đầu năm 2023 của Trung tâm y tế huyện Yên Lạc

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN LẠC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh về dự toán ngân sách tỉnh Vĩnh Phúc năm 2023; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Văn bản số 3142/STC-HCSN ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính lập lại dự toán chi thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và công khai tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-SYT ngày 30/12/2022 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch và Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của ngành Y tế tỉnh Vĩnh Phúc;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán Trung tâm y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước (không bao gồm vốn đầu tư xây dựng cơ bản) giao đầu năm 2023 của Trung tâm y tế huyện Yên Lạc như sau:

Dự toán chi Ngân sách Nhà nước:

- Tổng dự toán chi sự nghiệp NSNN giao đầu năm 2023 (Được chi): 28.049 triệu đồng

Tổng dự toán giao chi NSNN bằng chữ: (Hai mươi tám tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu đồng chẵn).

* Trong đó:

- + Nguồn tự chủ 13 (Đã trừ tiết kiệm): 22.969 triệu đồng
- + Nguồn không tự chủ 12 (Đã trừ tiết kiệm): 5.080 triệu đồng
- + Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia: 0 đồng (không đồng)

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hình thức công khai

- Giao phòng Tài chính kế toán, Trung tâm y tế thông báo công khai trong Hội nghị giao ban và hướng dẫn triển khai nhiệm vụ đầu năm 2023 của Trung tâm y tế.

+ Niêm yết tại trụ sở làm việc của Trung tâm y tế.

+ Gửi Quyết định công khai tới nơi nhận.

- Giao Phòng Kế hoạch điều dưỡng, Trung tâm y tế đăng tải website Trung tâm y tế huyện Yên Lạc (ttytyenlac.com).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng các phòng chuyên môn Trung tâm y tế, Trưởng các Trạm y tế xã, thị trấn thuộc Trung tâm y tế và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như: Điều 2 & Điều 3;
- SYT (B/c);
- Ban giám đốc TTYT;
- Các trạm y tế thuộc TTYT;
- Các phòng CM thuộc TTYT;
- Lưu: VT, TCKT.

PHÓ GIÁM ĐỐC PT 



Nguyễn Hoàng Phương



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ GIAO DỰ TOÁN NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số: **2.222** /QĐ-TTYT ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm y tế huyện Yên Lạc)

DVT: Đồng

Stt	Tên đơn vị sử dụng NSNN	Mã đơn vị SD NSNN	Loại khoản	Tổng dự toán	KP giao tự chủ 13 (chưa trừ tiết kiệm 10%)	KP giao tự chủ 12 (chưa trừ tiết kiệm 10%)	Trừ 10% TLCCTL	Trừ 10% TK tăng thêm QLHC	Giảm chi DVSN Loại 3: 3%; loại 4: 2%	Nhập TAMID (13)	Nhập TAMID (12)	Tổng Nhập TAMID	Ghi chú
A	B	C	D	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9=1-4-5-6=7+8	
	Trung tâm y tế			28.784	23.635	5.149	735	-	-	22.969	5.080	28.049	
1	Khối dự phòng	1040794	131	8.376	7.976	400	325	-	-	7.691	360	8.051	
	Quy lương 1490			5.126	5.126					5.126		5.126	
	Chi theo định mức (57 người)			2.850	2.850		285			2.565		2.565	
	Nghiệp vụ đặc thù (phòng bệnh, dân số, tâm thần, công đồng....)			400		400	40				360	360	
2	Khối trạm y tế	1040794	131	15.659	15.659	-	381	-	-	15.278	-	15.278	
	Quy lương 1490			11.849	11.849					11.849		11.849	
	Chi theo định mức (127 người)			3.810	3.810		381			3.429		3.429	
3	KP y tế trường học và phòng chống bệnh tật học đường	1040794	131	170		170	17				153	153	
4	KP bảo vệ sức khỏe cán bộ cấp huyện quản lý	1040794	131	285		285					285	285	
5	KP thù lao y tế thôn, thù lao CTV chương trình y tế ở địa phương	1040794	131	870		870					870	870	
6	KP hỗ trợ mua sắm tài sản, TTBYT	1040794	132	2.500		2.500					2.500	2.500	



(Handwritten signature)

Stt	Tên đơn vị sử dụng NSNN	Mã đơn vị SD NSNN	Loại khoản	Tổng dư toàn	KP giao tự chủ 13 (chưa trừ tiết kiệm 10%)	KP giao tự chủ 12 (chưa trừ tiết kiệm 10%)	Trừ 10% TLCCTL	Trừ 10% TK tăng thêm QLHC	Giảm chi DVSN Loại 3: 3%; loại 4: 2%	Nhập TAMID (13)	Nhập TAMID (12)	Tổng Nhập TAMID	Ghi chú
A	B	C	D	$I=2+3$	2	3	4	5	6	7	8	$9=I-4-5-6=7+8$	
7	KP thực hiện NQ 16 về Dân số-Tò trình 18/Tr-CCDS ngày 30/12/2022 của CCDS-KHHGD	1040794	151	800		800					800	800	
8	KP Vệ sinh an toàn thực phẩm	1040794	134	124		124	12				112	112	17 TTYT x 900,000 = 15,300,000đ; TTYT = 96,700,000đ

Chi chú:

- Các khoa phòng liên quan đến nguồn kinh phí xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung hoạt động tránh chổng chéo với các nội dung kế hoạch của các chương trình y tế, dân số, sức khỏe, của CDC tỉnh, Chi cục DS - KHHGD, Bệnh viện tâm thần.

-Khoa An toàn thực phẩm tập trung kinh phí mua kit xét tăng cường kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm theo chức năng nhiệm vụ trên địa bàn (Bao gồm cả kiểm tra ATTP công tác đảm bảo hậu cần của các hội nghị, hội diễn, hội thao... trên địa bàn

-Khoa Dược, Phòng Kế hoạch điều dưỡng phối hợp Ban bảo vệ cán bộ sức khỏe huyện, báo cáo Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện đảm bảo không chổng chéo kinh phí giữa các nguồn (Thực hiện theo NQ 21/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh VP và QĐ số 1266/QĐ-BYT ngày 21/3/2020 của BYT).

